

KẾ HOẠCH

Phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với thực hiện Đề án 06 trên địa bàn xã An Nông giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh về Phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

UBND xã An Nông xây dựng Kế hoạch phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với thực hiện Đề án 06 trên địa bàn xã giai đoạn 2026 – 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị và nhân dân trên địa bàn xã; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của sự phát triển.

Tạo khí thế thi đua sôi nổi, cụ thể hóa các mục tiêu về khoa học công nghệ (KH&CN), chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và dữ liệu dân cư.

2. Yêu cầu

Phong trào thi đua phải được triển khai sâu rộng, đồng bộ, xuyên suốt từ cấp xã đến thôn; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Các tiêu chí thi đua phải định lượng được, dễ kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực hiện phong trào thi đua.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

Xã An Nông tập trung khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển và tính chủ động sáng tạo trong toàn hệ thống chính trị để lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của sự phát triển. Địa phương phấn đấu đạt tỷ lệ 100% hồ sơ trực tuyến toàn trình và dẫn đầu về chỉ tiêu kích hoạt định danh điện tử cũng như làm sạch dữ liệu dân cư tại địa bàn. Xã đặt mục tiêu 100% hộ gia đình có ít nhất một thành viên có kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CHI TIẾT TRIỂN KHAI

1. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kế hoạch

UBND xã yêu cầu các bộ phận chuyên môn chủ động xây dựng lộ trình chi tiết của đơn vị mình trên cơ sở bám sát nội dung Kế hoạch của tỉnh và các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học công nghệ. Quá trình triển khai phải tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc rõ nhiệm vụ, rõ bộ phận chủ trì, rõ trách nhiệm cá nhân, rõ tiến độ thực hiện và rõ kết quả đầu ra, đồng thời phải gắn kết chặt chẽ với chương trình công tác hằng năm của địa phương.

2. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu

Trưởng các Phòng, Trung tâm, đơn vị xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp trên về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua trên địa bàn. Thực hiện việc lấy kết quả thực hiện phong trào thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm căn cứ cốt lõi để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xếp loại thi đua, khen thưởng hằng năm cho các cán bộ, công chức.

3. Tổ chức thực hiện gắn với sản phẩm và kết quả cụ thể

Việc triển khai mọi nhiệm vụ chuyên môn phải gắn liền với các sản phẩm đầu ra rõ ràng, có thể đo lường được bằng số liệu thực tế và mang lại hiệu quả thực tiễn cho người dân. Ban Chỉ đạo xã sẽ thực hiện đánh giá định kỳ theo từng tháng và từng năm để theo dõi sát sao sự tiến bộ của từng chỉ tiêu, đảm bảo các mục tiêu về dữ liệu dân cư luôn đúng, đủ, sạch, sống.

4. Tăng cường phối hợp liên ngành và liên cấp

Các bộ phận chuyên môn phải thiết lập sự phối hợp chặt chẽ, trong đó cơ quan được giao chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung và chất lượng nhiệm vụ, còn các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện theo đúng chức năng. Chú trọng việc chia sẻ, kết nối và khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đặc biệt, phải đảm bảo sự gắn kết không tách rời giữa việc triển khai Đề án 06 với các nhiệm vụ chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và giám sát

Các Phòng, Trung tâm, đơn vị duy trì nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất, đồng thời cập nhật đầy đủ, kịp thời các kết quả thực hiện lên hệ thống theo dõi, giám sát IOC của tỉnh. Các kết quả báo cáo này sẽ được sử dụng làm căn cứ pháp lý phục vụ công tác chỉ đạo điều hành trực tiếp của lãnh đạo xã và là cơ sở để đánh giá phong trào thi đua một cách công bằng, chính xác.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát và tự đánh giá

Tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ tại các thôn thông qua sự kết hợp giữa kiểm tra nội bộ và đánh giá tự động trên các hệ thống số.

7. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và dữ liệu

Đây được xác định là yêu cầu bắt buộc và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình thực hiện phong trào thi đua. Các Phòng, Trung tâm, đơn vị của xã tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tuyệt đối an toàn dữ liệu dân cư trong quá trình khai thác và sử dụng phục vụ người dân.

(Gửi kèm Phụ lục phân công nhiệm vụ theo Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 24/01/2026 của UBND xã về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn xã An Nông năm 2026 để căn cứ làm chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện)

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026 - 2027

Là thời gian trọng tâm để tổ chức phát động phong trào, xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chí thi đua chi tiết cho từng tổ dân phố, đồng thời triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm và tổ chức sơ kết đánh giá kết quả bước đầu.

2. Giai đoạn 2028 - 2030

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chỉ tiêu cao hơn, hoàn thiện cơ chế chính sách địa phương, tiến hành nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo hiệu quả và các điển hình tiên tiến để tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện phong trào vào cuối kỳ.

Trên đây là Kế hoạch Phát động và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh gắn với thực hiện Đề án 06 trên địa bàn Xã An Nông giai đoạn 2026 - 2030. Đề nghị các phòng, Trung tâm, đơn vị trực thuộc UBND xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TTr: Đảng ủy, HĐND xã (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (để b/c);
- Các phòng, Trung tâm, cơ quan, đơn vị (t/hiện);
- Các Thôn (t/hiện);
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Viết Lược

PHỤ LỤC I

Phân công thực hiện các nhiệm vụ Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn Xã An Nông năm 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 28/KH-UBND ngày 24/01/2026 của UBND Xã An Nông)

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
I	Văn bản chỉ đạo			
1	Rà soát, bổ sung, sửa đổi các văn bản, quy định điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh nhằm thúc đẩy chuyển đổi số ở địa phương	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, UBND xã	Hàng năm
II	Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:			
1	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; nhận thức về tự bảo vệ tính riêng tư cá nhân trên môi trường số cho cán bộ công chức, viên chức, người dân, hợp tác xã, hộ kinh doanh,.....	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các phòng, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể xã	Hàng năm
2	Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu về chuyển đổi số ở địa phương gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.	Cấp ủy Đảng các đơn vị		Hàng năm
3	Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho người dân sử dụng các hệ thống chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, tiếp cận thông tin trên nền tảng số và một số ứng dụng thương mại điện tử cho hộ kinh doanh cá thể, nông hộ, Hợp tác xã.	Phòng Văn hóa - Xã hội; Phòng Kinh tế Trung tâm phục vụ hành chính công;	Các DN Viễn thông	Hàng năm
4	Xây dựng Chuyên mục về Chuyển đổi số trên Trang Thông tin điện tử xã, Đài truyền thanh xã	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Phòng Văn hóa - Xã hội Văn phòng HĐND&UBND	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
III	Hạ tầng số, nền tảng số			
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, sóng di động mạng 4G, 5G được phủ đến 100% các hộ gia đình.	Các DN Viễn thông	Phòng Văn hóa - Xã hội	2025-2030
2	Nâng cấp, lắp đặt camera an ninh trên các trục đường chính; Quản lý camera tập trung tại công sở.	Công an xã		Hàng năm
IV	Chính quyền số			
1	Khảo sát, rà soát, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT: Mạng LAN, đảm bảo 100% CBCC có máy tính làm việc, đường truyền Internet băng rộng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng HĐND&UBND	Hàng năm
2	Thiết lập các điểm phát wifi Internet công cộng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Doanh nghiệp Viễn thông	Hàng năm
3	Số hóa dữ liệu, số hóa các quy trình nghiệp vụ tại UBND xã phục vụ cho quá trình chuyển đổi số.	Các phòng, ban, đơn vị xã	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
4	Các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số:			
4.1	Hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền số (Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống dịch vụ công trực tuyến và Một cửa điện tử; các hệ thống thông tin chuyên ngành, ...).	Văn phòng HĐND&UBND	Phòng Văn hóa - Xã hội;	Hàng năm
4.2	Triển khai Hệ thống truyền thanh thông minh.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Hàng năm
4.3	Hoàn thiện Hệ thống Hội nghị trực tuyến	Văn phòng HĐND&UBND	Viễn thông Thanh Hóa	Hàng năm
4.4	Tổ chức thực hiện các giải pháp, ứng dụng dịch vụ tương tác chính quyền với người dân.	Văn phòng HĐND&UBND	Viễn thông Thanh Hóa	Hàng năm
5	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho CBCC cấp xã.	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Sở KH&CN	Các phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã	Hàng năm
V	Kinh tế số			

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
1	Triển khai giải pháp ứng dụng CNTT trong các Hợp tác xã; xây dựng chuyên trang Hợp tác xã số, tích hợp giải pháp thương mại điện tử cho nông dân/Hội viên HTX/Tổ kinh tế hợp tác.	Phòng Kinh tế	- Các phòng, ban, ngành; - Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
2	Triển khai các giải pháp ứng dụng CNTT hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ các kênh thanh toán không dùng tiền mặt để giao dịch trực tuyến.	Phòng Kinh tế	- Các phòng, ban, ngành; - Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
3	Hỗ trợ quảng bá, tiếp thị và bán các sản phẩm của địa phương trên môi trường mạng để thành một siêu thị nông sản phẩm trực tuyến trên môi trường mạng.	Phòng Kinh tế	- Các phòng, ban, ngành	
3.1	Nghiên cứu, xác định các sản phẩm nông sản, các mặt hàng tiêu thủ công nghiệp đặc thù của địa phương để quảng bá, tiếp thị và bán hàng.	Phòng Kinh tế	- Các phòng, ban, ngành - Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
3.2	Xác định các kênh trực tuyến để tiếp cận, quảng bá, cung cấp, phân phối sản phẩm, dịch vụ.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội	Hàng năm
3.3	Hướng dẫn người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp hình, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội.	Phòng Kinh tế Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
3.4	Hướng dẫn người dân sử dụng các phương thức thanh toán điện tử an toàn, tin cậy cho các giao dịch thương mại điện tử.	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa - Xã hội	Hàng năm
VI	Xã hội số			
1	Triển khai hệ thống cáp quang về tận thôn; thúc đẩy, đẩy mạnh và nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; thúc đẩy phổ cập Internet tới hộ gia đình.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian
2	Triển khai công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm: Truy cập và sử dụng Internet, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của chính quyền, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp; cách thức quảng bá, bán sản phẩm trên mạng; bảo đảm an toàn thông tin cá nhân khi giao dịch trên mạng...	Phòng Kinh tế	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Hàng năm
3	Tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
4	Xây dựng Trang thông tin điện tử và tích hợp các Kho học liệu trực tuyến cho các trường học; kết nối đường truyền Internet băng thông rộng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số (Học bạ điện tử, các khóa học trực tuyến, ...) để quản lý và đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học	Phòng Văn hóa - Xã hội; Các nhà trường trên địa bàn	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
5	Quảng bá du lịch nông thôn, các khu du lịch bằng công nghệ mô hình hoá 3D và AR (thực tại ảo tăng cường) gắn với quảng bá và thương mại sản phẩm của địa phương để thu hút du khách trong và ngoài nước đến với địa phương	Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Sở VH TT & DL	Các DN Viễn thông, CNTT	Hàng năm
6	Kết nối, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công dân số; hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư và phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp	Công an xã	Các phòng, ban, cơ quan, ngành, đơn vị	2025-2030
7	Xây dựng các tài liệu tuyên truyền (các ấn phẩm, tờ rơi, video clip...) về chuyển đổi số.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công	Hàng năm

PHỤ LỤC 1**Chỉ tiêu về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các phòng ban, cơ quan đơn vị trên địa bàn xã An Nông năm 2026***((Kèm theo Kế hoạch số: 28/KH-UBND ngày 24/01/2026 của UBND Xã An Nông))*

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động băng rộng 4G/5G trên dân số	30%	Phòng VHXXH	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn: VNPT, Viettel, mobifone	Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Dân số trong vùng phủ sóng mạng di động băng rộng 4G, 5G - b: Tổng dân số trên địa bàn Tỷ lệ a/b x100	- Khảo sát và lập danh sách các thôn, xóm, cụm dân cư sóng yếu hoặc không có sóng; kèm theo số liệu dân số cụ thể để làm cơ sở đề xuất doanh nghiệp đầu tư. - Làm việc với các doanh nghiệp viễn thông (Viettel, VNPT, MobiFone) để đề xuất và yêu cầu mở rộng vùng phủ sóng. - Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, thủ tục để các nhà mạng lắp đặt trạm phát sóng (BTS) mới. - Tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi sang SIM 4G/5G và sử dụng các thiết bị trong thích để tối ưu hóa trải nghiệm mạng.	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	Phòng VHXXH	Các phòng, ban, đơn vị	Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản. - b: Tổng số CBCC, VC	Rà soát, lập danh sách những cán bộ, công chức chưa được bồi dưỡng hoặc chưa đạt yêu cầu về kỹ năng số. - Đề xuất với Sở Nội vụ, Sở KH&CN mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số ngay tại địa phương hoặc cụm xã để thuận tiện cho việc tham gia. - Kiểm tra nội bộ để đảm bảo cán bộ áp dụng được vào công việc hằng ngày	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
3	a, Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	80%	Trạm Y tế		Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ giáo dục, bảo hiểm/ giao thông) - b: Tổng dân số trưởng thành	- Phối hợp với trường học, trạm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bưu điện văn hóa xã để tổ chức các điểm hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng số (VssID, Sổ sức khỏe điện tử, ứng dụng học tập trực tuyến...). - Tổ chức các buổi tuyên truyền lưu động tại nhà văn hóa thôn, óm về lợi ích và cách sử dụng dịch vụ số. - Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đi từng ngõ, gõ từng nhà để trực tiếp hướng dẫn người dân.	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	b, Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giáo dục	80%	Các trường học trên địa bàn xã		Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ giáo dục, bảo hiểm/ giao thông) - b: Tổng dân số trưởng thành		Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	c, Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong bảo hiểm.	80%	Phòng VHXXH	Bảo hiểm xã hội khu vực IV	Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ giáo dục, bảo hiểm/ giao thông) - b: Tổng dân số trưởng thành		Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
	d, Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong giao thông	80%	Phòng VHXXH		Tỷ lệ a/b x100 Trong đó: - a: Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế/ giáo dục, bảo hiểm/ giao thông) - b: Tổng dân số trưởng thành		Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
4	Số lượng doanh nghiệp khoa học và	Khuyến khích	Phòng VHXXH	Phòng kinh tế	Tổng hợp kết quả cấp Giấy chứng nhận	-Rà soát các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn có hoạt động	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
	công nghệ trên địa bàn				doanh nghiệp KH&CN của địa phương hàng năm theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 268/2025/NĐ-C	sản xuất, kinh doanh dựa trên công nghệ hoặc có sản phẩm đổi mới sáng tạo. - Phối hợp với Sở KH&CN để được tư vấn, hướng dẫn các doanh nghiệp này hoàn thiện hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN. - Tuyên truyền về các chính sách ưu đãi (thuế, đất đai, tín dụng) dành cho doanh nghiệp KH&CN để khuyến khích đăng ký.	25/3/2025 của BCD TW
5	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	15%	Phòng kinh tế	Phòng VHXX	Tỷ lệ $a/b \times 100$ Trong đó: - a: Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh - b: Tổng số doanh nghiệp	- Tổ chức khảo sát, nắm bắt nhu cầu đổi mới của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn. - Phối hợp với các cơ quan chuyên môn (Sở KH&CN, Trung tâm khuyến công) để tổ chức các hội thảo, buổi tư vấn về chuyển đổi số, áp dụng công nghệ mới, thương mại điện tử. - Giới thiệu các nền tảng số, giải pháp công nghệ chi phí thấp phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCD TW
6	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Khuyến khích	Phòng kinh tế	Phòng VHXX	Thu thập dữ liệu số doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia các cuộc thi, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của địa phương như cuộc thi Dự án khởi nghiệp trong đoàn viên, thanh niên tỉnh Thanh Hóa do Ủy ban công tác thanh niên tỉnh tổ chức; cuộc thi	Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích các ý tưởng khởi nghiệp trong thanh niên, hội phụ nữ, hội nông dân dựa trên thế mạnh của địa phương (nông sản, du lịch, làng nghề...). - Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính để các hộ kinh doanh, cá nhân có tiềm năng thành lập doanh nghiệp, ... theo Nghị quyết số 198/2025/QH15. - Kết nối các startup với các chương trình ươm tạo, cuộc thi khởi	- Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCD TW - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
					Phụ nữ khởi nghiệp hoặc các cuộc thi khởi nghiệp khác của địa phương tổ chức.	ngiệp của tỉnh để được hỗ trợ về vốn và chuyên môn	
7	Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ mỗi năm	2-3	Phòng VHXXH	Phòng Kinh tế	Số liệu thu thập tại Trang thông tin của Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.	- - Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tập huấn, hướng dẫn đăng ký bảo hộ và cử cán bộ đầu mối tham mưu, phối hợp trong quá trình thực hiện. - Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, cử cán bộ hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia. - Khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm đề nghị công nhận OCOP trên địa bàn địa phương. (Lưu ý: đối với cấp phường có ít nhất 01 đơn đăng ký sáng chế hoặc giải pháp hữu ích)	- Công văn số 01-CV/BCDDTWW . - Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính Phủ. - Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
8	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	90%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các phòng, ban, đơn vị	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa - b: Tổng số hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.	Trang bị đầy đủ máy scan, máy tính cho Trung tâm PV Hành chính công; yêu cầu tất cả CBCC thực hiện 100% kết quả TTHC phải được ký số hoặc sao y ký số từ bản giấy và đính kết quả lên hệ thống phần mềm; Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên quy trình số hóa để đảm bảo chất lượng và tỷ lệ thực hiện.	QĐ 766/QĐ-TTg 23/6/2022 của Thủ tướng CP.
9	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và	86%	Trung tâm phục vụ hành chính	Các phòng, ban, đơn vị	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến của người dân	Khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến, hạn chế việc nộp hồ sơ trực tiếp; cán bộ tích cực hướng dẫn người dân,	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
	doanh nghiệp		công		và doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết. - b: Tổng số hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình. - Nguồn thu thập số liệu: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. thông tin giải quyết TTHC.	doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia.	Chính trị
10	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	80%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các phòng, ban, đơn vị	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Tổng số hồ sơ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí. - b: Tổng số hồ sơ đã thanh toán phí, lệ phí của dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình - Nguồn thu thập số liệu: hệ thống thông tin giải quyết TTHC	- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thanh trực tuyến phí, lệ phí hồ sơ TTHC trên nền tảng thanh toán trực tuyến của Cổng dịch vụ công quốc bằng nhiều hình thức (video, tờ gấp, viết tin, bài,...). - Phối hợp với các ngân hàng hỗ trợ tạo tài khoản ngân hàng cho người dân trên địa bàn. - Cử cán bộ có liên quan chủ động hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí hồ sơ TTHC ngay sau khi có thông báo.	QĐ số 2629 QĐ-UBND ngày 01/12/2025 của Thủ tướng CP.
11	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các phòng, ban, đơn vị	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Số điểm hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC được công khai trên Cổng DVC quốc gia. - b: Tổng số điểm hài lòng	- Nâng cao chất lượng phục vụ: giải quyết hồ sơ đúng hạn, thái độ phục vụ chuyên nghiệp, hướng dẫn tận tình. - Chủ động xử lý nhanh chóng các phản ánh, kiến nghị của người dân trên hệ thống. - Sau khi người dân hoàn thành giao dịch, cán bộ cần chủ động	Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
					thực hiện TTHC, cung cấp DVC được quy định (20 điểm). - Nguồn số liệu: Cổng DVC Quốc gia	hướng dẫn và khuyến khích họ thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng trên Cổng Dịch vụ công.	
12	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	86%	Phòng VHXX	Các tổ chức Ngân hàng ...	Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác - b: Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn	- Tuyên truyền về lợi ích của thanh toán không dùng tiền mặt trong các buổi họp thôn, sinh hoạt đoàn thể. - Vận động chi trả các khoản an sinh xã hội, lương hưu, trợ cấp qua tài khoản ngân hàng. - Phối hợp với các ngân hàng thương mại tổ chức các đợt mở tài khoản ngân hàng, thẻ ATM miễn phí lưu động tại các thôn, xóm	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
13	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	50%	Phòng kinh tế		Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số - b: Tổng số doanh nghiệp	- Khảo sát, phân loại doanh nghiệp theo ngành nghề và mức độ sẵn sàng ứng dụng công nghệ số. - Tổ chức các lớp tập huấn, giới thiệu các giải pháp ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, ... - Kết nối doanh nghiệp với các nhà cung cấp giải pháp số uy tín có chính sách ưu đãi.	Công văn số 01-CV/BCĐTW ngày 25/3/2025 của BCĐ TW
14	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	65%	Công an xã		Tỷ lệ: $a/b \times 100$, trong đó: - a: Số công dân có tài khoản định danh điện tử - b: Tổng số công dân từ đủ 14 tuổi trở lên trên địa	- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an cấp xã tổ chức các điểm cấp và kích hoạt tài khoản VNeID lưu động tại nhà văn hóa thôn, xóm. - Thực hiện “đi từng ngõ, gõ từng nhà” để vận động và	Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu cấp xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá/tổng hợp, báo cáo	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Phương pháp tính/Nguồn thu thập số liệu	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
					bàn	hỗ trợ người dân (đặc biệt là người cao tuổi) cài đặt và kích hoạt tài khoản. - Tuyên truyền về các tiện ích khi sử dụng VNeID (thay thẻ CCCD, BHYT, giấy phép lái xe...).	
15	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	95%	Các Trạm y tế		Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Số người dân có Sổ sức khỏe điện tử - b: Tổng dân số trên địa bàn có tài khoản định danh VNeID mức độ 2	- Chỉ đạo Trạm y tế cấp xã là đơn vị nòng cốt, thực hiện việc tạo lập và cập nhật thông tin Sổ sức khỏe điện tử cho người dân. - Phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân tự cài đặt, đăng ký và khai báo thông tin trên ứng dụng VNeID.	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ
16	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	35,4%	Phòng VHXXH	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn: VNPT, Viettel...; Tổ công nghệ số cộng đồng 22 thôn	Tỷ lệ: a/b x100, trong đó: - a: Số người dân trưởng thành có chữ ký số - b: Tổng số người dân trưởng thành trên địa bàn	- Tuyên truyền về vai trò và lợi ích của chữ ký số trong các giao dịch điện tử. - Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số (VNPT, Viettel, FPT, MISA, ...) tổ chức các điểm đăng ký chữ ký số từ xa miễn phí hoặc chi phí thấp cho người dân tích hợp trên VneID. - Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, chủ doanh nghiệp là những người đi đầu trong việc đăng ký và sử dụng chữ ký số.	Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ

